

Bản án số:08/2021/HS-ST

Ngày: 12 - 4 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Mến

*Thẩm phán:* Bà Ngô Thị Kim Châu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Dương Thành Huynh

Bà Thạch Thị Ngọc Mai

Ông Trương Văn Kiển

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Vũ Lăng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ái Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2021/HSST, ngày 05 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Minh Ch, sinh ngày 13/3/1986 tại thị xã D, tỉnh T. Nơi cư trú: Khóm 3, phường 1, thị xã D, tỉnh T. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Q, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957; có vợ: Hà Thị Thùy T, sinh năm 1988; con có 01 người con sinh năm 2014; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; nhân thân: tốt; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/9/2020 cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

**- Bị hại:**

1/ Bà Kiều Thị T, sinh năm 1972 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Trú tại: ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh T.

2/ Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1969 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Trú tại: khóm P, phường 2, thị xã D, tỉnh T.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Hà Huỳnh V, sinh năm 1963 (vắng mặt có lý do)

Nơi cư trú: ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp của ông Hà Huỳnh V: Bà Kiều Thị T, sinh năm 1972. Nơi cư trú: ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh T (theo văn bản ủy quyền ngày 23/11/2020) (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2/ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1969 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: khóm P, phường 2, thị xã D, tỉnh T.

3/ Ông Lê Minh T, sinh năm 1981 (có mặt).

Nơi cư trú: khóm 3, phường 1, thị xã D, tỉnh T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Được sự giới thiệu của một người bạn, bà Kiều Thị T và chồng là Hà Huỳnh V quen biết bị cáo Lê Minh C khi bị cáo công tác tại Công an huyện D (nay là Công an thị xã D). Sau khi quen biết bà T có đến gặp bị cáo C nhờ giúp lo chạy điểm thi, lo chạy vào biên chế ngành Công an cho con là Hà Phương T, sinh năm 1995 đang thực hiện nghĩa vụ ngành Công an tại Trại tạm giam Công an tỉnh T và cháu là Nguyễn Khánh L, sinh năm 1993 đang thực hiện nghĩa vụ ngành Công an tại Công an huyện D là con của bà Huỳnh Thị M thì bị cáo đồng ý giúp. Bị cáo đưa ra thông tin gian dối là bị cáo có quen người bạn làm ngành Công an ở thành phố H sẽ giúp được với giá là 200.000.000 đồng một người và cam kết nếu không lo được cho T và L thi đậu, không vào được biên chế thì bị cáo sẽ trả lại đủ tiền cho bà T nên bà T đồng ý để bị cáo C giúp.

Thời gian từ khoảng tháng 05/2015 đến tháng 11/2017, bị cáo C thực hiện nhiều thủ đoạn gian dối bằng cách đưa ra nhiều lý do để yêu cầu vợ chồng bà T đưa tiền cho bị cáo, nên vợ chồng bà T đã nhiều lần đưa tiền cho bị cáo ở nhiều địa điểm khác nhau trên địa bàn phường 1, thị xã D với tổng số tiền 853.500.000 đồng, cụ thể như sau:

- Lần 01: Khoảng tháng 5/2015 bà Kiều Thị T chuẩn bị tiền xong và gọi điện cho bị cáo C để đưa tiền lo cho T nên bị cáo hẹn bà T gặp nhau tại quán cà phê “H” thuộc khóm 1, phường 1, thị xã D. Tại đây bà T đi cùng chồng là ông Hà Huỳnh V đưa cho bị cáo số tiền 160.000.000 đồng được gói trong tờ giấy và khi đưa tiền thì không có viết biên nhận.

- Lần 02: Tháng 6/2015 bà Kiều Thị T gọi điện cho bị cáo C để đưa tiền còn lại nên bị cáo hẹn bà T gặp nhau tại quán cà phê “H” thuộc khóm 1, phường 1, thị xã D. Tại đây bà T, ông V đưa cho bị cáo số tiền 40.000.000 đồng được gói trong tờ giấy và khi đưa tiền thì không có viết biên nhận. Tuy nhiên ở lần đưa tiền này bà T có gợi ý nhờ bị cáo C nhận giúp lo cho cháu là Nguyễn Khánh L đang thực hiện nghĩa vụ ngành Công an tại Công an huyện D giống như T thì bị cáo C đồng ý, bị cáo nói giá là 200.000.000 đồng và dặn bà T không nói cho gia đình Khánh L biết bị cáo là ai và bị cáo chỉ nhận tiền thông qua bà T mà thôi thì hai bên đồng ý.

- Lần 03: Trong tháng 6/2015 bà Kiều Thị T chuẩn bị tiền xong và gọi điện cho bị cáo C để đưa tiền lo cho Nguyễn Khánh L nên bị cáo hẹn bà T gặp nhau tại

quán cà phê “B” thuộc khóm 3, phường 1, thị xã D. Tại đây bà T đưa cho bị cáo số tiền 170.000.000 đồng được gói trong tờ giấy và khi đưa tiền thì không có viết biên nhận.

- Lần 04: Tháng 7/2015 bà Kiều Thị T chuẩn bị tiền xong và gọi điện cho bị cáo C để đưa tiền lo cho Khánh Linh nên bị cáo hẹn bà Tú gặp nhau tại quán cà phê “B” thuộc khóm 3, phường 1, thị xã D. Tại đây bà T đưa cho bị cáo số tiền 50.000.000 đồng được gói trong tờ giấy và khi đưa tiền thì không có viết biên nhận.

- Lần 05: Tháng 3/2016 bị cáo gọi điện cho bà Kiều Thị T yêu cầu đưa thêm tiền, sau khi chuẩn bị tiền bà T gọi điện cho bị cáo để đưa tiền nên bị cáo hẹn bà T gặp nhau tại quán cà phê “B” thuộc khóm 3, phường 1, thị xã D. Tại đây bà T đưa cho bị cáo số tiền 80.000.000 đồng được gói trong tờ giấy và khi đưa tiền thì không có viết biên nhận.

- Lần 06: Tháng 5/2016 bị cáo gọi điện cho bà Kiều Thị T yêu cầu mỗi gia đình đưa cho bị cáo số tiền 30.000.000 đồng để lo cho đoàn thanh tra, sau khi chuẩn bị tiền bà T gọi điện cho bị cáo để đưa tiền nên bị cáo hẹn bà T gặp nhau tại quán cà phê “B” thuộc khóm 3, phường 1, thị xã D. Tại đây bà T đưa cho bị cáo số tiền 60.000.000 đồng được gói trong tờ giấy và khi đưa tiền thì không có viết biên nhận.

- Lần 07: Tháng 7/2016 bị cáo gọi điện cho bà Kiều Thị T yêu cầu mỗi gia đình đưa cho bị cáo số tiền 30.000.000 đồng để lo cho người ở H vào trường sắp xếp lớp, sau khi chuẩn bị tiền bà T gọi điện cho bị cáo để đưa tiền nên bị cáo hẹn gặp nhau tại “k” thuộc khóm 3, phường 1, thị xã D. Tại đây bà T đưa cho bị cáo số tiền 60.000.000 đồng, tiền được gói trong tờ giấy và khi đưa tiền thì không có viết biên nhận.

- Lần 08: Tháng 11/2016 bị cáo gọi điện cho bà Kiều Thị T yêu cầu mỗi gia đình đưa cho bị cáo số tiền 30.000.000 đồng để lo cho thầy trên trường, sau khi chuẩn bị tiền bà T gọi điện cho bị cáo để đưa tiền nên bị cáo hẹn bà T gặp nhau tại quán cà phê “B” thuộc khóm 3, phường 1, thị xã D. Tại đây bà T đưa cho bị cáo số tiền 60.000.000 đồng được gói trong tờ giấy và khi đưa tiền thì không có viết biên nhận.

- Lần 09: Tháng 4/2017 bị cáo C gọi điện yêu cầu bà T đưa lại số tiền ra quân của T và L với lý do nay T và L được vào ngành đi học nên phải nộp tiền lại số tiền ra quân để bị cáo nộp lại cho cơ quan. Sau đó bà T chuẩn bị tiền và gọi cho bị cáo đưa tiền nên bị cáo hẹn gặp tại quán cà phê “B” thuộc khóm 3, phường 1, thị xã D. Tại đây bà T đưa bị cáo số tiền 43.500.000 đồng được gói trong tờ giấy và khi đưa tiền không có viết biên nhận.

- Lần 10: Tháng 11/2017 bị cáo gọi điện cho bà Kiều Thị T yêu cầu mỗi gia đình đưa cho bị cáo số tiền 130.000.000 đồng để lo cho T và L được đi học, bị cáo nói do T và L đã ra quân rồi nay được đi học nên phát sinh thêm. Sau đó bà T có cho bà M biết để chuẩn bị tiền nhưng bà M nói không có tiền đưa nên bà T gọi

điện cho bị cáo đề đưa phần tiền của bà T thì bị cáo hẹn gặp bà T tại quán cà phê “B” thuộc khóm 3, phường 1, thị xã D. Tại đây ông V đưa bị cáo số tiền 130.000.000 đồng được gói trong tờ giấy và khi đưa tiền thì không có viết biên nhận.

Đề tạo được lòng tin với bà T, bị cáo dùng thủ đoạn gian dối làm ra 02 công văn và 01 thông báo gồm: Công văn số 896/CV-TCCT ngày 23/12/2016 của Tổng cục chính trị - Bộ Công an, về việc chấp thuận mở lớp đào tạo Trung cấp hệ tập trung tại Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân III khóa học 2016 – 2018; Công văn số 2451/CV-TCCT ngày 20/3/2017 của Tổng cục chính trị - Bộ Công an, về việc hoãn khai giảng 02 lớp Trung cấp Công an nhân dân tại Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân III của Tổng cục chính trị - Bộ Công an do Trung tướng Trần Bá T ký (bản phô tô) và Thông báo số 81/TBNH -T49 ngày 20/7/2017 của Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân III - Bộ Công an về việc thông báo Hà Phương T nhập học do Đại tá Đặng Chí T hiệu trưởng ký (bản phô tô). Đối với Hà Phương T và Nguyễn Khánh L dự thi THPT Quốc gia tại tỉnh T nhưng không đậu. Hiện Hà Phương T đã xuất ngũ ngày 18/02/2017 và Nguyễn Khánh L xuất ngũ ngày 06/9/2016.

Đầu năm 2018, Công an thị xã D phát hiện vụ việc trên nên thành lập tổ công tác tiến hành xác minh. Qua làm việc bị cáo khai có nhận số tiền 853.500.000 đồng từ vợ chồng bà T để lo chạy điểm thi, lo chạy biên chế ngành Công an cho T và L nhưng không lo được. Đến ngày 30/3/2018 Công an thị xã D mời bị cáo cùng anh ruột Lê Minh T, bà Kiều Thị T và bà Nguyễn Thị M đến giải quyết. Bị cáo đã khắc phục trả cho bà T, bà M mỗi bên là 150.000.000 đồng, bị cáo còn nợ lại số tiền 553.500.000 đồng và cam kết đến ngày 31/12/2018 sẽ trả đủ nhưng bị cáo không thực hiện. Ngày 20/04/2020, bà T làm đơn tố giác bị cáo Lê Minh C về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số tiền 553.500.000 đồng yêu cầu xử lý theo pháp luật.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo C khai nhận toàn bộ hành vi nhận tiền của bị hại để lo chạy điểm thi, lo chạy biên chế cho Hà Phương T và Nguyễn Khánh L, bị cáo khai sử dụng số tiền này vào việc trả nợ tiền vay mượn của bà Phạm Thị H ngụ số 139/1L, Đường số 9, phường L, quận T, TP. H số tiền 130.000.000 đồng, còn lại bị cáo dùng vào việc tiêu xài cá nhân. Ngày 28/3/2016 bị cáo C viết biên nhận vay bà H số tiền 120.000.000 đồng hiện vẫn chưa trả. Qua làm rõ đây là tranh chấp dân sự, tuy nhiên tại biên bản ghi lời khai ngày 05/01/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra bà H thể hiện ý chí của bà phần này bà không yêu cầu bị cáo C trả mà đồng ý cho luôn. (Bút lục số 414 đến 415). Đối với 02 công văn và 01 thông báo mà bị cáo đưa cho bà T là bản phô tô do không giám định được nên không có cơ sở xem xét cấu thành tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, qua xác minh tại Tổng cục Chính trị Bộ Công an và Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân III trả lời là không ban hành các văn bản trên.

Trong suốt quá trình điều tra tại các bản tự khai, bản tường trình, biên bản hỏi cung bị cáo Lê Minh C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã đưa ra thông tin giả dối như để lo chạy điểm thi, lo chạy biên chế cho Hà Phương T và Nguyễn Khánh L tất cả 10 lần, tổng số tiền bị cáo đã nhận của bà T là 853.500.000 đồng, trước khi bị khởi tố bị cáo C đã khắc phục cho bà T và bà M mỗi người 150.000.000 đồng, hiện còn chiếm đoạt của bà T số tiền 553.500.000 đồng (năm trăm năm mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) (bút lục số 430 đến bút lục 490).

Việc bị cáo Chí k trước đây có nhờ một người bạn ở thành phố H làm trong ngành Công an lo giúp, nhưng trong quá trình điều tra bị cáo khai chỉ một mình bị cáo thực hiện chứ không có nhờ ai giúp, việc bị cáo đưa ra thông tin như vậy là để kéo dài thời gian ở ngoài để tìm cách trả nợ (bút lục số 437, 442, 451, 472, 490).

Ngày 22 tháng 12 năm 2020 ông Lê Minh T là anh ruột của bị cáo C đứng ra trả cho bà Kiều Thị T số tiền 553.500.000 đồng (năm trăm năm mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) thay cho bị cáo C để khắc phục hậu quả, bà T đã nhận đủ tiền và viết biên nhận (Bút lục số 189), bà T không yêu cầu về trách nhiệm dân sự, đồng thời bà T viết đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo C. Tại biên bản ghi lời khai ngày 21/01/2021 của Cơ quan điều tra bà Huỳnh Thị M thừa nhận bà T đã trả lại cho bà đủ số tiền 261.500.000 đồng bà không còn yêu cầu về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo C.

Về vật chứng: 01 (một) thẻ ATM mang tên Lê Minh C của ngân hàng BIDV số 970418011025285 (kèm theo hồ sơ).

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKS-P1 ngày 03/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố bị cáo Lê Minh C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Minh C thống nhất với nội dung bản cáo trạng số: 05/CT-VKS-P1 ngày 03/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng với hành vi của bị cáo, không oan. Đồng thời, bị cáo không có ý kiến bổ sung hay khiếu nại về nội dung Cáo trạng, cũng không khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, các bị hại đã nhận đủ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh T không đặt ra yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:* Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả đối chất, tranh tụng công khai tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Minh C thừa nhận do mất cân đối trong việc trả tiền vay và tiêu xài cá nhân nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại bằng cách khi biết được các bị hại có nhu cầu lo chạy điểm thi, lo chạy biên chế cho con vào ngành Công an nên bị cáo đưa ra thông tin giả dối là bị cáo có quen

biết với người trong ngành, sẽ lo chạy điểm thi, lo chạy biên chế được con và cháu của bà T là Hà Phương T và Nguyễn Khánh L để chiếm đoạt số tiền 553.500.000 đồng (năm trăm năm mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) . Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ và đã cấu thành tội phạm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vị Kiểm sát viên quyết định giữ nguyên nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo và Kiểm sát viên phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Minh C từ 07 năm đến 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận đủ số tiền bị cáo chiếm đoạt, không đặt ra yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, vị còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, xử lý vật chứng và dành quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

Qua quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo Lê Minh C: Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát, những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự. Việc vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt của những người bị hại và người liên quan là phù hợp Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự cũng như việc bị cáo từ chối người bào chữa cho bị cáo.

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thống nhất với nội dung bản Cáo trạng số: 05/CT-VKS-P1 ngày 03/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã mô tả. Bị cáo thừa nhận do bị cáo bị mất cân đối trong việc thanh toán tiền nợ vay và tiêu xài cá nhân nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của các bị hại. Từ sự quen biết, khi được bị hại gợi ý nhờ bị cáo lo chạy điểm, chạy biên chế cho con đang thực hiện nghĩa vụ Công an để được vào biên chế của ngành Công an; bị cáo lợi dụng bản thân là cán bộ công tác trong ngành Công an nên đưa ra thông tin gian dối là bị cáo có quen người bạn làm ngành Công an ở thành phố H sẽ giúp được với giá là 200.000.000 đồng một người và cam kết nếu không lo được cho con của các bị hại là Hà Phương T và Nguyễn Khánh L thi đậu, không vào được biên chế thì bị cáo sẽ trả lại đủ tiền cho bị hại. Do quen biết nên các bị hại tin tưởng bị cáo và đã nhiều lần đưa tiền cho bị cáo với tổng số tiền là 853.500.000 đồng trả lại 300.000.000 đồng, hiện còn lại 553.500.000

đồng. Số tiền bị cáo nhận được từ các bị hại bị cáo sử dụng vào việc trả nợ vay và tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Lời khai xác nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra là nhất quán, không thay đổi, phù hợp với lời khai của các bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an tỉnh Trà Vinh thu thập được. Do đó, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định truy tố bị cáo Lê Minh C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp với hành vi bị cáo thực hiện và đúng quy định của pháp luật về khung hình phạt và tội danh.

[2] Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm sẽ bị nghiêm trị. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 12 Bộ luật Hình sự. Với tuổi đời và công việc của bị cáo, bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc lợi dụng lòng tin của người khác để thực hiện hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của họ là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo lợi dụng bản thân là cán bộ trong ngành Công an, luôn nhận được sự tin tưởng của các bị hại nên đưa ra thông tin gian dối là có quen biết cán bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí M, sẽ lo chạy điểm, chạy biên chế cho con của các bị hại, mục đích của bị cáo nhằm chiếm đoạt tiền của các bị hại, bị cáo đã thực hiện ý định với lỗi cố ý trực tiếp và thực hiện tội phạm nhiều lần, đối với nhiều người, số tiền chiếm đoạt 553.500.000 đồng (năm trăm năm mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, để tạo lòng tin cho các bị hại, bị cáo còn cố ý dùng thủ đoạn gian dối làm ra 02 Công văn và 01 Thông báo gồm: Công văn số 896/CV-TCCT ngày 23/12/2016 của Tổng cục chính trị - Bộ Công an, về việc chấp thuận mở lớp đào tạo Trung cấp hệ tập trung tại Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân III khóa học 2016 – 2018; Công văn số 2451/CV-TCCT ngày 20/3/2017 của Tổng cục chính trị - Bộ Công an, về việc hoãn khai giảng 02 lớp Trung cấp Công an nhân dân tại Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân III của Tổng cục chính trị - Bộ Công an do Trung tướng Trần Bá T ký (bản phô tô) và Thông báo số 81/TBNH -T49 ngày 20/7/2017 của Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân III - Bộ Công an về việc thông báo Hà Phương T nhập học do Đại tá Đặng Chí T hiệu trưởng ký (bản phô tô); tuy qua xác minh tại Tổng cục Chính trị Bộ Công an và Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân III trả lời là không ban hành các văn bản nêu trên và các văn bản này đều là bản phô tô do không giám định được nên không có cơ sở xem xét cấu thành tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nhưng thể hiện rõ bị cáo thực hiện hành vi một cách cố ý, bị cáo có thời gian công tác trong ngành Công an, hiểu biết việc làm này sai phạm nhưng vẫn cố tình thực hiện nhằm mục đích để các bị hại tin tưởng và đưa tiền cho bị cáo. Thể hiện bị cáo rất xem thường pháp luật, hành vi

phạm tội của bị cáo đã gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, phần nào ảnh hưởng đến uy tín cán bộ và cơ quan Nhà nước.

[3] Tình hình phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn T trong những năm gần đây liên tục tăng và mức độ phạm tội ngày càng tinh vi, số tiền chiếm đoạt ngày càng lớn làm cho tình hình xã hội mất trật tự, để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần xử lý bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án nhằm giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như nhân thân của bị cáo để xem xét toàn diện, khách quan khi quyết định hình phạt đối với bị cáo: Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội và mỗi lần thực hiện đều đủ định lượng cấu thành tội phạm, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là phạm tội nhiều lần; Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành thật khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ thiệt hại cho người bị hại; bị cáo có thời gian công tác và có nhiều đóng góp trong ngành Công an được Chủ tịch nước tặng huy chương chiến sĩ vẻ vang; gia đình có nhiều người thân tham gia cách mạng, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do bị cáo Lê Minh Chí có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay những người bị hại đã nhận đủ số tiền bị chiếm đoạt và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh T không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng với quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tố tụng đều hợp pháp.

[6] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phù hợp với nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo Lê Minh C phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về vật chứng: 01 (một) thẻ ATM mang tên Lê Minh C của Ngân hàng BIDV số 970418011025285 là giấy tờ cá nhân của bị cáo trả lại cho bị cáo.



Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: điểm a khoản 2 Điều 268, Điều 269 và Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên bố bị cáo Lê Minh C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Minh C 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay những người bị hại đã nhận đủ số tiền bị chiếm đoạt và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh T không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Lê Minh C phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về vật chứng: 01 (một) thẻ ATM mang tên Lê Minh C của Ngân hàng BIDV số 970418011025285 giao trả cho bị cáo.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm đã tuyên. Đối với các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật./.

#### **Nơi nhận:**

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh T;
- Phòng hồ sơ - CA t;
- TTG - CA tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- CA huyện Di;
- Sơ tư pháp;
- Đăng công TT;
- Bị cáo;
- Các bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đã Ký**

**Nguyễn Văn Mến**

